

Số 5801/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình Bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2530/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách, quyết liệt ngăn chặn, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường;

Căn cứ Chương trình hành động số 03-CTrHĐ/TU ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Công văn số 3802-CV/ĐU ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 26154/SNNMT-CCBVMТ ngày 13 tháng 8 năm 2026 về hoàn chỉnh Dự thảo Chương trình Bảo vệ môi trường giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch triển khai cụ thể trong năm 2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Chương trình Giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020-2030; Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 1125/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan thường trực tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức, triển khai Chương trình.

2. Sở Tài chính tổng hợp đề xuất của các đơn vị để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí nguồn kinh phí triển khai thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và trong phạm vi khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

3. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đảm bảo đạt hiệu quả cao. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu căn cứ vào các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình và điều kiện thực tế của địa phương, chủ động xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường cấp xã để chỉ đạo và triển khai thực hiện. Trong đó tập trung nghiên cứu xây dựng các kế hoạch, đề án, chương trình chuyên đề đối với các lĩnh vực trọng tâm như: nâng cao chất lượng môi trường không khí, bảo vệ tài nguyên nước, xử lý chất thải rắn, phát triển cây xanh, mảng xanh đô thị.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ủy ban MTTQVN Thành phố;
- Đảng ủy UBND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên UBND Thành phố;
- VPUB: Các PCVP;
- Các Phòng CV; Trung tâm TTĐT;
- Lưu: VT, (ĐT-LHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Bùi Minh Thạnh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5801/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. MỤC TIÊU

– Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước khắc phục, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường, phục hồi chất lượng môi trường.

– Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, gắn với triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng môi trường, giải quyết có hiệu quả rõ nét tình trạng ô nhiễm môi trường, thiết lập trật tự, kỷ cương trong chấp hành pháp luật về môi trường, phấn đấu đạt các mục tiêu phát triển bền vững, tạo tiền đề xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh sạch, xanh và thân thiện môi trường,

(Các chỉ tiêu cụ thể để giám sát và đánh giá kết quả được tổng hợp tại Phụ lục I).

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy các mô hình tăng trưởng bền vững

– Thực hiện phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi thành phố Hồ Chí Minh để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

– Xây dựng lộ trình nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý chất thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phân vùng môi trường; xây dựng lộ trình kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của phân vùng môi trường và khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư.

- Quan trắc, theo dõi, chủ động phòng ngừa, ứng phó với các sự cố ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước biển, lưu vực sông, môi trường đất, nước dưới đất.

- Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong các quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác, mặt nước, mặt biển.

- Quản lý, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; tiếp tục dừng khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; tăng cường năng lực phòng cháy và chữa cháy rừng, giảm số vụ và diện tích rừng bị cháy.

2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và quản lý, cải thiện chất lượng môi trường

- Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt. Chủ động kiểm soát, cảnh báo ô nhiễm môi trường nước mặt lưu vực sông, kênh, rạch và công trình thủy lợi; phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường nước các lưu vực sông, kênh, rạch và công trình thủy lợi. Tập trung xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường tại lưu vực sông, kênh, rạch và công trình thủy lợi (nếu có).

- Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước dưới đất trong hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất. Kiểm soát tác động từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường nước dưới đất.

- Phòng ngừa và kiểm soát các sự cố gây ô nhiễm môi trường biển và đại dương.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030, đặc biệt chú trọng các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí. Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm không khí trong các lĩnh vực (giao thông, công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dân sinh...).

- Xây dựng lộ trình và tổ chức thực hiện việc di dời các cơ sở không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, không phù hợp quy hoạch của phân vùng môi trường.

- Tiếp tục thực hiện kiểm soát chặt chẽ các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn, như nhiệt điện, xi măng, thép, hóa chất...

- Xây dựng, triển khai kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực đất bị ô nhiễm, các điểm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu.

- Nạo vét, cải tạo hệ thống kênh, sông, rạch; đầu tư xây dựng hệ thống cống thu gom và nhà máy xử lý nước thải.

- Nâng cao năng lực quan trắc môi trường, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh, dự báo, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường và kiểm soát ô nhiễm.

3. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nông nghiệp và chất thải nguy hại

- Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực phù hợp để thành lập các khu xử lý chất thải tập trung. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng các khu xử lý chất thải tập trung.

- Đầu tư trang thiết bị thu gom, xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn; khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất thải phát sinh từ hoạt động nông nghiệp; khuyến khích phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, an toàn sinh học.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp ngăn chặn việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu, phát sinh nhiều chất thải, tiêu hao nhiều nguyên liệu, vật liệu và năng lượng.

- Xây dựng, phát triển ngành công nghiệp tái chế, thu hồi tài nguyên và năng lượng từ chất thải; chuyển đổi và xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp tái chế; khuyến khích đầu tư, xây dựng các cơ sở tái chế hiện đại; từng bước hạn chế các cơ sở tái chế thủ công, quy mô nhỏ, gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề.

- Đầu tư xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh.

- Đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; tiếp tục tăng cường đồng xử lý, xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng; hạn chế và có lộ trình tiến tới chấm dứt việc đầu tư mới các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo)

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN

Chương trình Bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 – 2030 được cụ thể hóa thành danh mục 26 chương trình, đề án, dự án ưu tiên, trong đó tập trung đầu tư mở rộng mạng lưới quan trắc môi trường liên tục, tự động; xây dựng hệ thống thu gom nước thải, các nhà máy xử lý nước thải đô thị và nhà máy xử lý chất thải rắn và thu hồi năng lượng, cải tạo, phục hồi các bãi

chôn lấp sau khi ngưng tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt, các dự án nạo vét, khơi thông dòng chảy hồ chứa nước, các khu vực ven sông và tuyến kênh, rạch ô nhiễm (Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường và tăng cường năng lực thực thi pháp luật

- Tiếp tục xây dựng và ban hành các văn bản Quy phạm pháp luật theo quy định.

- Nghiên cứu và ban hành các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền nhằm khuyến khích và thu hút các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sử dụng công nghệ sạch, tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu, năng lượng; giảm phát thải khí nhà kính, tận dụng chất thải công nghiệp và sinh hoạt trong kinh tế tuần hoàn và theo hướng phát triển kinh tế xanh.

- Tập trung triển khai thực hiện Dự án Đầu tư nâng cao năng lực quan trắc môi trường, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh, trước mắt đầu tư lắp đặt thêm các trạm quan trắc tự động không khí, nước mặt, nước dưới đất và các nguồn thải; nâng cấp hạ tầng cơ sở thông tin, hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu môi trường để tiếp nhận, chia sẻ, công khai các dữ liệu về môi trường đến mọi tổ chức và người dân để được biết và cùng tham gia kiểm tra, giám sát; số hóa các dữ liệu, số liệu quản lý, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, internet vạn vật trong dự báo, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường và kiểm soát ô nhiễm.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cấp Thành phố và cấp xã, nhất là nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức theo hướng hiện đại, đủ năng lực thực hiện và đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong tình hình mới; hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường phù hợp với hoạt động của chính quyền điện tử, tăng cường giải quyết các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp.

- Xây dựng lại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý môi trường các cấp, cơ quan quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, lực lượng cảnh sát môi trường. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường của lực lượng cảnh sát môi trường để tránh chồng chéo.

- Tăng cường công tác nắm tình hình; kịp thời phát hiện, kiểm tra và xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chuyển đổi phương thức quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm về hoạt động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, đặc biệt trong công tác kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải tại các khu công nghiệp, nhất là các ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Rà soát, khắc phục các chồng chéo, bất cập, xung đột trong chức năng nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về môi trường giữa các sở, ngành và địa phương. Tăng cường liên kết giữa các vùng và địa phương trong bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó đẩy mạnh hợp tác với các địa phương nhằm xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường phát sinh ở các vùng lân cận đến môi trường của Thành phố

- Tăng cường sự giám sát của cộng đồng, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức, cá nhân và các cơ quan truyền thông đối với bảo vệ môi trường; phát triển và ứng dụng các nền tảng số, mạng xã hội, các đường dây nóng... để đẩy mạnh giám sát về môi trường.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng

- Tiếp tục vận động nhân dân chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tiêu dùng bền vững, sống thân thiện với môi trường; lồng ghép tiêu chí môi trường trong công tác thi đua, khen thưởng; công bố công khai thông tin về môi trường để cộng đồng giám sát.

- Đưa bảo vệ môi trường vào các chương trình giáo dục các cấp và trình độ đào tạo ở địa phương; xây dựng các mô hình tiên tiến, điển hình về bảo vệ môi trường trong các cơ sở giáo dục; tăng cường công tác bảo vệ môi trường và giáo dục, truyền thông về môi trường tại các cơ sở giáo dục thông qua nhân rộng mô hình trường học Xanh.

- Phát huy ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội về môi trường của các doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường. Thực hiện đánh giá, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, triển khai Giải thưởng môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng; tăng cường và phát huy thế mạnh của các công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến... Tổng kết, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng, tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tăng cường thực hiện các chuyên trang, chuyên mục về các nội dung trọng tâm về bảo vệ môi trường, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, đấu nối nước thải sinh hoạt vào mạng lưới thu gom nước thải đô thị; công khai, công bố thông tin về các kết quả quan trắc chất lượng môi trường trên các phương

tiện truyền thông đại chúng: Báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn đầu tư cho bảo vệ môi trường

- Ưu tiên tăng phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn ODA cho bảo vệ môi trường; tăng dần tỷ lệ phân bổ cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu, nhất là trong lĩnh vực thu gom xử lý nước thải đô thị. Phát huy vai trò của Quỹ bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, đầu tư cho bảo vệ môi trường; cổ phần hóa các doanh nghiệp công ích; có cơ chế, chính sách khuyến khích và hỗ trợ các thành phần kinh tế, người dân tham gia đầu tư vào lĩnh vực thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý chất thải (gồm: nước thải, rác thải công nghiệp, rác thải nông nghiệp và sinh hoạt).

4. Nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ

- Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất, đồng bộ, cập nhật, chia sẻ và được kết nối liên thông giữa các cấp, các ngành; bảo đảm thông tin môi trường được cung cấp kịp thời. Từng bước chuyển đổi, số hóa cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính về môi trường.

- Sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách sự nghiệp khoa học vào nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ phục vụ các chương trình môi trường, quy hoạch của Thành phố.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về môi trường, phát triển và ứng dụng công nghệ cao trong bảo vệ môi trường và sản xuất nông nghiệp, phát huy vai trò của khoa học và công nghệ trong việc thúc đẩy, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, đánh giá rác sinh hoạt trôi nổi do vứt rác thải và rác thực vật phát sinh trên trên các sông, kênh rạch thuộc Thành phố và các vùng lân cận có liên quan.

- Phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học, tiết kiệm năng lượng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, tái tạo.

- Nâng cao vai trò của hoạt động quan trắc theo hướng cảnh báo sớm và dự báo môi trường: đặt trọng tâm giám sát, cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường không khí xung quanh, đặc biệt đối với ô nhiễm bụi PM10 và PM2.5. Từng bước xây dựng, ứng dụng các mô hình phân tích, dự báo chất lượng môi trường không khí và nước.

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo và cơ sở dữ liệu liên quan đến an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa và vùng hạ du, kết nối đồng bộ với hệ thống quan trắc khí tượng - thủy văn phục vụ quản lý, vận hành công trình thủy lợi theo thời gian thực.

- Mở rộng phạm vi quan trắc, giám sát đối với hoạt động khai thác khoáng sản (cát, đá xây dựng) và khai thác nước dưới đất, phục vụ phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ sụt lún, xói lở phục vụ công tác giám sát, cảnh báo sớm và chủ động ứng phó các rủi ro địa chất, môi trường.

5. Tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế

- Nghiên cứu các mô hình, giải pháp tiên tiến trên thế giới trong quản lý chất lượng môi trường không khí, nước thải, chất thải rắn..., từ đó phân tích điều kiện thực tiễn của Thành phố để lựa chọn giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Trung ương và các tỉnh thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai, Vàm Cỏ và Cù Long trong hoạt động bảo vệ môi trường trên các lưu vực và giảm thiểu rác thải trôi nổi do vứt rác thải, rác thực vật phát sinh trên các hệ thống sông này. Phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh để xúc tiến các dự án xử lý chất thải liên vùng, đặc biệt là tháo gỡ vướng mắc tại dự án Khu công nghiệp Môi trường xanh (xã Tân Long, tỉnh Tây Ninh) nhằm đảm bảo an ninh chất thải trên địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục tham gia các dự án do các tổ chức quốc tế, các nước tài trợ nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả trong các hoạt động về bảo vệ môi trường.

- Tham gia, tổ chức thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong các lĩnh vực về quản lý chất thải.

- Tăng cường phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường và đặc khu Côn Đảo trên địa bàn tạo sự thống nhất trong xử lý vướng mắc khó khăn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án đã được bố trí vốn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5801 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Phụ lục I

CHỈ TIÊU GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

STT		Nội dung	Chỉ tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai, đánh giá và báo cáo mức độ hoàn thành chỉ tiêu
1	Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường	1.1. Tỷ lệ diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ trên tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.	2,5-3%	Sở Nông nghiệp và Môi trường.
		1.2. Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy	2.1. Tỷ lệ các nguồn phát sinh khí thải lớn thuộc các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí cao: xi măng, nhiệt điện, luyện thép, lò hơi... được quản lý, kiểm soát chặt chẽ và từng bước có lộ trình giảm phát thải.	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao
		2.2. Đến năm 2030, toàn bộ xe buýt, taxi dùng năng lượng sạch.	100%	Sở Xây dựng

thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường	2.3. Chất lượng môi trường không khí (chỉ số VN-AQI) năm sau tốt hơn năm trước.	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	2.4. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý tập trung	80%	Sở Xây dựng
	2.5. Tỷ lệ điểm quan trắc thuộc lưu vực sông Đồng Nai có chỉ số chất lượng nước (WQI) đạt mức trung bình trở lên.	85-90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	2.6. Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn môi trường.	100 %	Sở Y tế
	2.7. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được tái chế, xử lý bằng công nghệ mới.	trên 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	2.8. Chấm dứt hoạt động đốt rác và đốt phụ phẩm nông nghiệp ngoài trời không đúng quy định; phân đấu 100% phụ phẩm trong sản xuất trồng trọt trên đồng ruộng (rơm, rạ...) được tái sử dụng, tái chế bằng biện pháp phù hợp.	100%	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu
	2.9. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom vận chuyển và xử lý theo qui định.	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Côn Đảo
	2.10. Tỷ lệ đăng ký và ký kết hợp đồng thu gom giữa chủ nguồn thải và đơn vị cung dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	ở đô thị là 100% và ở nông thôn là 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường đặc khu Côn Đảo
	2.11. Tỷ lệ cụm công nghiệp có chủ đầu tư có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	100 %	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

		2.12. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.	100 %	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao
		2.13. Tỷ lệ trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, du lịch sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho sản phẩm nhựa dùng 1 lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học.	100 %	Sở Công Thương, Sở Du lịch
3	Góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và đẩy mạnh giảm nhẹ phát thải khí nhà kính	3.1. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định.	11%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.2. Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu cung ứng và tiêu thụ điện trên địa bàn Thành phố đạt khoảng 15–18%; đồng thời thúc đẩy cơ chế sử dụng điện năng lượng tái tạo, điện mới thông qua hệ thống điện quốc gia, hướng tới đạt 25% tỷ lệ tiêu thụ điện từ nguồn năng lượng tái tạo.	Khoảng 15–18%	Sở Công Thương
		3.3 Tỷ lệ người dân thành phố (hộ gia đình; học sinh, sinh viên; cán bộ, công chức, viên chức; người lao động trong doanh nghiệp) được tiếp cận thông tin truyền thông về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Khu vực đô thị 100%; khu vực nông thôn: 90%	Sở Nông nghiệp và Môi trường.
		3.4. Tỷ lệ người dân thành phố (hộ gia đình; học sinh, sinh viên; cán bộ, công chức, viên chức; người lao động trong doanh nghiệp) áp dụng các hành vi bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày	Khu vực đô thị 90%; khu vực nông thôn: 80%	Sở Nông nghiệp và Môi trường.



Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Stt	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Giảm thiểu tác động đến môi trường từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy các mô hình tăng trưởng bền vững (5 nhiệm vụ chính).			
1	<i>Thực hiện phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh để triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường thích hợp theo phân vùng môi trường nhằm kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.</i>			
1.1	Nghiên cứu, xác định đánh giá toàn diện hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn, chất thải rắn, chất thải nguy hại và đa dạng sinh học trong quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2025 – 2050, tầm nhìn 100 năm; đặc biệt chú trọng xác định rõ các khu vực môi trường nhạy cảm, khu vực ô nhiễm, suy thoái hoặc có nguy cơ ô nhiễm cao cần hạn chế hoặc kiểm soát phát triển.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, trong quá trình thẩm định các quy hoạch đô thị (quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết) sẽ căn cứ các nội dung về phân vùng môi trường đã được duyệt để lồng ghép vào các quy hoạch đô thị nhằm cụ thể hóa các nội dung của Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh		Thường xuyên, hằng năm
1.2	Định hướng các dự án thu hút đầu tư mới theo mức độ tác động đến môi trường ngay từ khi phê duyệt chủ trương đầu tư để kiểm soát trong suốt vòng đời hoạt động; đặc biệt chú trọng đối với nhóm dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi	Sở Tài chính	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao; Sở Nông	Thường xuyên, hằng năm

	trường mức độ cao...		ngiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	
1.3	Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gắn với công tác đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành	Thường xuyên, hằng năm
2	<i>Xây dựng lộ trình nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý chất thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phân vùng môi trường; xây dựng lộ trình kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường của phân vùng môi trường và khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư.</i>			
2.1	Phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo mức độ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tập trung kiểm soát nghiêm ngặt đối với nhóm cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, có lượng xả thải lớn. Thực hiện lộ trình áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT) đối với các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao; Ủy ban nhân dân các xã, phường,	Sở Công Thương	Thường xuyên, hằng năm

		đặc khu.		
2.2	Lập và thực hiện phương án, tổ chức tự quản và xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường ở các làng nghề. Tăng cường kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong các làng nghề.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thường xuyên, hằng năm
2.3	Triển khai các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi xanh trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn Thành phố.	Sở Công Thương	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm
2.4	Xây dựng và triển khai kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phù hợp quy hoạch.	Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	
3	<i>Quan trắc, theo dõi, chủ động phòng ngừa, ứng phó với các sự cố ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước biển, lưu vực sông.</i>			
3.1	Lập và trình ban hành kế hoạch ứng phó sự cố môi trường các cấp và tại các cơ sở có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành.	Định kỳ 05 năm
3.2	Tích cực chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường biển và hải đảo, sự cố hóa chất độc, sự cố tràn dầu trên biển, trên sông; tăng cường quản lý an toàn hóa chất, phóng xạ, hạt nhân.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm
3.3	Đẩy mạnh phát triển hệ thống trạm quan trắc không khí tự	Sở Nông nghiệp	các Sở, ban, ngành; Ủy	Thường

	động; thường xuyên cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí, tích hợp chỉ số AQI, WQI lên hệ thống màn hình LED giao thông và ứng dụng “Công dân số” nhằm tích hợp đa nền tảng trong công bố thông tin về chất lượng môi trường.	và Môi trường	ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	xuyên, hằng năm
4	<i>Lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trong các quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng, mặt nước, mặt biển.</i>			
4.1	Tăng cường xây dựng, mở rộng diện tích công viên, cây xanh, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn trong các đô thị và khu dân cư.	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm
5	<i>Quản lý, bảo vệ và phục hồi rừng tự nhiên; tiếp tục dừng khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; tăng cường năng lực phòng, chống cháy rừng, giảm số vụ và diện tích rừng bị cháy</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm
II	Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và quản lý, cải thiện chất lượng môi trường (8 nhiệm vụ chính).			
1	<i>Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt. Chủ động kiểm soát, cảnh báo ô nhiễm môi trường nước mặt lưu vực sông; phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường nước các lưu vực sông. Tập trung xử lý tình trạng ô nhiễm môi</i>			

	<i>trường tại lưu vực sông (nếu có).</i>			
1.1	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
1.2	Tăng cường đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương.	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm
1.3	Đẩy mạnh xử lý nước thải từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp, các làng nghề.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm
1.4	Thực hiện xử lý nước thải đạt yêu cầu ở tất cả khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp và bệnh viện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	-	Thường xuyên, hằng năm
2	<i>Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước dưới đất trong hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất.</i>			

	Kiểm soát tác động từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường nước dưới đất.			
2.1	Điều tra, đánh giá tổng thể chất lượng các nguồn nước dưới đất, xác định các khu vực bị ô nhiễm nghiêm trọng; xây dựng và thực hiện các giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng nguồn nước dưới đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
3	Phòng ngừa và kiểm soát các sự cố gây ô nhiễm môi trường biển và đại dương			
3.1	Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm từ các hoạt động khai thác khoáng sản, dầu khí, vận tải và khai thác thủy sản trên biển.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường đặc khu có liên quan	các Sở, ban, ngành khác.	Thường xuyên, hằng năm
3.2	Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực thi các Phụ lục III, IV, V, VI của Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra theo Quyết định số 795/QĐ-TTg ngày 11/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Xây dựng	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
3.3	Đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, kiểm soát chặt chẽ hoạt động nhận chìm trên biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm
3.4	Thực hiện thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý ngư cụ khai thác thủy sản bị mất hoặc bị vứt bỏ phát sinh trên biển; tổ chức hiệu quả các phong trào, chiến dịch thu gom, làm sạch bãi biển theo Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có biên (xã Bình Châu, xã Hồ Tràm, xã	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hằng năm

	động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030	Xuân Mộc, xã Phước Hải, xã Long Hải, phường Tân Phước, đặc khu Côn Đảo, phường Vũng Tàu, phường Tam Thắng, phường Rạch Dừa, phường Phước Thắng, xã Long Sơn, xã Thạnh An, xã Cần Giờ, xã An Thới Đông).		
4	<i>Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030, đặc biệt chú trọng các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí. Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm không khí trong các lĩnh vực (giao thông, công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, dân sinh...).</i>			
4.1	Lập và triển khai thực hiện Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí, đặc biệt chú trọng các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
4.2	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống giao thông công cộng, vận tải hành khách khối lượng lớn (MRT), hạn chế sự gia tăng	Sở Xây dựng.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã,	Thường xuyên,

	phương tiện giao thông cá nhân ở các đô thị lớn.		phường, đặc khu.	hàng năm
4.3	Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi từ các công trình xây dựng đô thị.	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	-	Thường xuyên, hàng năm
4.5	Kiểm soát việc đốt phụ phẩm cây trồng ngoài đồng ruộng ở các vùng nông thôn.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	<i>Xây dựng lộ trình và tổ chức thực hiện việc di dời các cơ sở không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của phân vùng môi trường.</i>			
5.1	Từng bước thực hiện chuyển đổi các ngành, nghề thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố cháy nổ, có sử dụng dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu; di dời, chuyển đổi ngành nghề các cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển.	Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Sở Tài chính	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hàng năm
5.2	Tập trung xử lý dứt điểm, kiên quyết di dời, chấm dứt hoạt động các cơ gây ô nhiễm môi trường, không có hệ thống xử lý nước thải, khí thải hoặc có hệ thống xử lý nước thải, khí thải nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; trong đó, vận động chuyển đổi ngành nghề, chấm dứt hoạt động các cơ sở chế biến nhỏ lẻ, sử dụng nhiều diện tích, giá trị sản phẩm thấp tại địa phương.	Công an Thành phố; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hàng năm
6	<i>Tiếp tục thực hiện kiểm soát chặt chẽ các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn</i>			

6.1	Triển khai các chương trình/kế hoạch kiểm tra, giám sát tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường của các nguồn phát sinh khí thải lớn thuộc các loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí cao (xi măng, nhiệt điện, luyện thép, hóa chất, sản xuất giấy, dệt nhuộm, xử lý chất thải).	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an Thành phố; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
6.2	Giám sát công tác vận hành hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục và kết nối dữ liệu theo quy định đối với các nguồn phát sinh khí thải lớn thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	Thường xuyên, hằng năm
7	<i>Xây dựng, triển khai kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực đất bị ô nhiễm, các điểm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu</i>			
7.1	Lồng ghép vào chương trình, báo cáo công tác quan trắc, điều tra, đánh giá ô nhiễm môi trường đất của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
7.2	Báo cáo, thống kê kết quả đánh giá ô nhiễm đất theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	2026-2030
8	<i>Nạo vét, cải tạo hệ thống kênh, sông, rạch; đầu tư xây dựng hệ thống cống thu gom và nhà máy xử lý nước thải.</i>	Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng đô thị	các Sở, ban, ngành.	2026-2030
III	Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nông nghiệp và chất thải nguy hại (8 nhiệm vụ)			

	chính)			
1	<i>Điều tra, đánh giá và xác định các khu vực phù hợp để thành lập các khu xử lý chất thải tập trung. Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng các khu xử lý chất thải tập trung.</i>			
1.1	Xây dựng và áp dụng các mô hình khép kín thu gom, phân loại, tái sử dụng và xử lý nước thải, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại tại Côn Đảo.	UBND đặc khu Côn Đảo.	các Sở, ban, ngành.	2026-2030
2	<i>Đầu tư trang thiết bị thu gom, xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực nông thôn; khuyến khích hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.</i>			
2.1	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo phù hợp với Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
2.2	Xây dựng và ban hành bộ đơn giá thống nhất cho dịch vụ công ích đô thị (thu gom chất thải rắn sinh hoạt bao gồm cả chất thải công kênh và nguy hại trong sinh hoạt, nạo vét cống, chăm sóc cây xanh, vận hành công viên, vệ sinh thùng rác, vận hành trạm trung chuyển và các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt...) áp dụng chung cho toàn Thành phố sau sáp nhập.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
3	<i>Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường</i>			

3.1	Ngăn chặn hiệu quả tình trạng đổ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại trái phép.	Công an Thành phố	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
3.2	Kiểm soát, thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân có hoạt động nhập khẩu sản phẩm nhựa dùng một lần để tiêu thụ, sản xuất, phân phối trên địa bàn Thành phố; tăng cường kiểm tra và thu thuế bảo vệ môi trường theo quy định.	Chi cục Hải quan khu vực II.		Thường xuyên, hằng năm
3.3	Kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân sản xuất túi ni lông khó phân hủy trên địa bàn Thành phố theo quy định.	Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.		Thường xuyên, hằng năm
3.4	Ban hành quy định cụ thể không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch trên địa bàn Thành phố	Sở Công Thương, Sở Du lịch	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030
4	<i>Xây dựng, thực hiện các biện pháp ngăn chặn việc nhập khẩu công nghệ cũ, lạc hậu, phát sinh nhiều chất thải, tiêu hao nhiều nguyên liệu, vật liệu và năng lượng.</i>			
4.1	Tăng cường kiểm soát khí thải đối với xe cơ giới.	Sở Xây dựng.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
4.2	Thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông phi cơ giới, thân thiện với môi trường (xe đạp, xe điện, xe sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng tái tạo).	Sở Xây dựng.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm

4.3	Giám sát hoạt động kinh doanh xăng dầu tại địa phương, bảo đảm các thương nhân tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành; giám sát chất lượng xăng dầu trên địa bàn quản lý; triển khai thực hiện các quy định về lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống.	Sở Công Thương.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
4.4	Bằng các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát mạnh, đúng trọng điểm, đảm bảo đúng quy định pháp luật (trong đó chú trọng ngăn chặn tối đa ngay từ khi hành chưa vào đến địa phận Thành phố kết hợp với các biện pháp tăng cường kiểm tra trong, sau thông quan, điều tra, khởi tố các vụ việc trọng điểm) đối với việc nhập lậu phế thải, phế liệu và hàng hóa có đặc trưng phế liệu không đủ điều kiện về bảo vệ môi trường.	Chi cục Hải quan khu vực II.		Thường xuyên, hằng năm
5	<i>Xây dựng, phát triển ngành công nghiệp tái chế, thu hồi tài nguyên và năng lượng từ chất thải; chuyển đổi và xây dựng các khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp tái chế; khuyến khích đầu tư, xây dựng các cơ sở tái chế hiện đại; từng bước hạn chế các cơ sở tái chế thủ công, quy mô nhỏ, gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề.</i>			
5.1	Quy hoạch phát triển đồng bộ hệ thống thu gom, sơ chế và thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp tái chế với công nghệ hiện đại; từng bước hạn chế các cơ sở tái chế thủ công, quy mô nhỏ, gây ô nhiễm môi trường ở các làng nghề.	Sở Tài chính; Sở Công Thương; Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp; Ban Quản lý khu công nghệ cao.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hằng năm
5.2	Đầu tư, củng cố cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại, nước thải, chất thải rắn sinh	Ủy ban nhân dân các xã, phường,	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên,

	hoạt đạt quy chuẩn môi trường tại các địa phương.	đặc khu.		hàng năm
6	<i>Đầu tư xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh.</i>			
6.1	Đẩy mạnh xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa hoặc di dời.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hàng năm
7	<i>Đa dạng hóa các công nghệ xử lý chất thải, khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; tiếp tục tăng cường đồng xử lý, xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng; hạn chế và có lộ trình tiến tới chấm dứt việc đầu tư mới các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp.</i>			
7.1	Triển khai nhóm giải pháp xử lý chất thải rắn theo định hướng tăng cường xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ đốt phát điện và tái chế.	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành.	Thường xuyên, hàng năm
8	<i>Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất thải phát sinh từ hoạt động nông nghiệp; khuyến khích phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, an toàn sinh học</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Thường xuyên, hàng năm



Phụ lục III
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Tên chương trình, đề án, kế hoạch	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến giai đoạn	
I	<i>Phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường</i>				<i>(1 nội dung)</i>
1.1	Triển khai dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm: 1. Nâng cấp Nhà máy xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hòa Long 2. Nâng cấp Nhà máy xử lý nước thải Cụm công nghiệp chế biến hải sản Bình Châu	Sở Xây dựng Sở Công Thương Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố Hồ Chí Minh	2026-2030	-	Nguồn vốn ngân sách thành phố theo nội dung tại STT 90, 91 trang 76 Biểu 4.2 kèm theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh
II	<i>Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và quản lý, cải thiện chất lượng môi trường</i>				<i>(14 nội dung)</i>
2.1	Dự án Đầu tư nâng cao năng lực quan trắc môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	794,10	

2.2	Đầu tư mở rộng hệ thống quan trắc, chia sẻ cơ sở dữ liệu và quản lý môi trường phục vụ phát triển thành phố thông minh tỉnh Bình Dương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2024-2026	70,14	(đang thực hiện)
2.3	Chương trình quan trắc chất lượng môi trường của thành phố giai đoạn 2026 – 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm	984,64	
2.4	Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2026-2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	14,55	Nguồn kinh phí theo dự toán được phê duyệt
2.5	Các dự án nạo vét, cải tạo kênh rạch	Sở Xây dựng	2026-2030	-	Nguồn kinh phí theo dự toán được phê duyệt
2.6	Nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng (giai đoạn 2); nhà máy xử lý nước thải Nhiêu Lộc – Thị Nghè. Nhà máy xử lý nước thải Bến Cát; nhà máy xử lý nước thải Tân Uyên; nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Thuận An và mở rộng mạng lưới thu gom; nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Dĩ An và mở rộng mạng lưới	Sở Xây dựng	2026-2030	-	Nguồn kinh phí theo dự toán được phê duyệt

	thu gom. Dự án Thu gom và xử lý nước thải thành phố Bà Rịa công suất 12.000 m³/ngày.đêm (phạm vi thu gom phường Bà Rịa và phường Long Hương). Dự án xử lý nước thải thị trấn Phước Hải công suất 4.500 m³/ngày đêm (phạm vi thu gom khu vực Phước Hải cũ, xã Đất Đỏ). Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống cống thu gom và nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tại các địa phương có biển.				
2.7	Rà soát, bổ sung chính sách thu hút nguồn lực đầu tư các dự án: nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng (giai đoạn 3) và các nhà máy xử lý nước thải (Tây Sài Gòn Bình Tân, Tân Hóa Lò Gốm, Bắc Sài Gòn I, Bắc Sài Gòn II, Cầu Dừa, Tây Bắc, Nam Sài Gòn Suối Nhum). Đẩy nhanh tiến độ triển khai đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: dự án Thu gom và xử lý nước thải	Sở Xây dựng	2026-2030	-	Nguồn kinh phí theo dự toán được phê duyệt

	thành phố Vũng Tàu giai đoạn 2; dự án Thu gom và xử lý nước thải khu vực Long Sơn – Gò Găng; dự án Thu gom xử lý nước thải khu đô thị Long Điền, xã Long Điền.				
2.8	Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	-	
2.9	Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường (chuyên đề và tổng hợp).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	hàng năm	0,5	
2.10	Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường hàng năm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	hàng năm	210 (0,25 tỷ đồng/phường,xã, đặc khu/năm)	Ngân sách nhà nước
2.11	Đề án “Tiếp tục kế hoạch, lộ trình di dời các cơ sở công nghiệp theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành để sử dụng có hiệu quả quỹ đất sau di dời để ưu tiên xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội”.	Sở Tài chính, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các đơn vị có liên quan	2026-2030	-	Công văn số 4479/UBND-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xây dựng Đề án
2.12	Đề án bảo tồn và phát triển làng nghề.	UBND xã, phường có làng nghề	hàng năm	-	
2.13	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026	-	Ngân sách nhà nước

	địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh				
2.14	Đề án kiểm soát khí thải phương tiện giao thông	Sở Xây dựng	2026-2030	-	(lĩnh vực GTVT)
III	<i>Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại</i>				<i>(05 nội dung)</i>
3.1	Định kỳ rà soát, xây dựng mới, bổ sung, điều chỉnh bộ định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý chất thải rắn đô thị.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030 (giai đoạn 5 năm thực hiện 01 lần)	2,0	Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành
3.2	Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình liên quan đến lĩnh vực chất thải rắn (phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu giá dịch vụ vận chuyển xử lý chất thải rắn, giảm thiểu chất thải nhựa...)	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	420 (0,5 tỷ đồng/phường, xã, đặc khu/năm)	
3.3	Chương trình tuần thu gom chất thải nguy hại hộ gia đình.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	2026-2030	84 (0,1 tỷ đồng/phường, xã, đặc khu/năm)	Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành
3.4	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng (giải tỏa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng và đầu tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị; Ủy ban nhân dân các xã,	2026-2030	4.160 (1.800 tỷ đồng cho đầu tư mới và 2.360 tỷ đồng cho	Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn

	mới) theo quy hoạch chung của Thành phố.	phường, đặc khu		<i>đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa)</i>	khác
3.5	Đầu tư chuyển đổi công nghệ của các nhà máy xử lý CTR hiện hữu và đầu tư mới nhà máy xử lý CTR bằng các công nghệ tiên tiến hiện đại, hạn chế chôn lấp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	khoảng 26.969	Xã hội hóa
IV	<i>Truyền thông và đổi mới tư duy góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trên địa bàn</i>				<i>(06 nội dung)</i>
4.1	Chương trình phối hợp liên tịch với UBND TP VN Thành phố.	UBND TP VN Thành phố	Hàng năm	1,5 <i>(0,3 tỷ đồng/năm x 5 năm)</i>	
4.2	Chương trình truyền thông về bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Hàng năm	21,8 <i>(0,1 tỷ đồng/phường, xã, đặc khu/năm x 5 năm + chương trình truyền thông cấp Thành phố 1 tỷ/năm x 5 năm)</i>	
	Chương trình truyền thông về bảo vệ môi trường nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026-2030	2,8 <i>(0,5 tỷ đồng/năm x 5 năm)</i>	
4.3	Giải thưởng môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Theo Kế hoạch <i>(tổ chức 3</i>	4,0 <i>(3 năm/lần, mỗi lần 2,0 tỷ đồng)</i>	

			<i>năm/lần vào năm 2027, 2030)</i>		
4.4	Nâng cao nhận thức, hiểu biết cho học sinh thông qua giáo dục ngoại khóa và xây dựng giải pháp lồng ghép, tích hợp biến đổi khí hậu trong giáo dục các cấp học (Chương trình Trường học xanh).	Sở Giáo dục và Đào tạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm	7,0 (1,4 tỷ đồng/năm x 5 năm)	
4.5	Xây dựng ấn phẩm truyền thông về bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực nông thôn, công nghiệp, năng lượng, du lịch.	Sở, ban, ngành.	2026-2030		Ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn khác
	- Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng.	Sở Công Thương		2 (0,4 tỷ đồng/năm)	
	- Lĩnh vực du lịch.	Sở Du lịch		-	
	- Lĩnh vực nông thôn: In ấn tờ rơi tuyên truyền giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; Sổ tay bảo vệ môi trường ngành nghề nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường		2,8 (0,56 tỷ đồng/năm)	
4.6	Điều tra, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về truyền thông môi trường.	Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện	(02 lần đánh giá: đầu kỳ 2026 và cuối kỳ 2030)	6,0	Nguồn kinh phí theo dự toán được phê duyệt

